TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sầm Dắt Phắn

Bà Nguyễn Thị Liệu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán***: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: tổ 10, ấp 3, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Vũ Hồng T**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp 2/97, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị M trình bày:

Tôi và anh T tình cờ quen biết nhau vào năm 2006; hai người phát sinh tình cảm và tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm, đến ngày 09/5/2007 chúng tôi tự nguyện đi đến kết hôn tại UBND xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01 ngày 09/5/2007).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã S, huyện Định Quán. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống về cả tình cảm lẫn các khía cạnh khác trong cuộc sống, từ đó vợ chồng bất hòa, thường xuyên tranh cải gay gắt dẫn đến hôn nhân trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được.

Tháng 4/2018, tôi đã nộp đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, nhưng sau đó hai bên gia đình muốn vợ chồng tôi hàn gắn, tôi cũng muốn vợ chồng cho nhau cơ hội nên tôi đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được mà càng trở nên trầm trọng, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông T, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là Vũ Thành T1 – sinh ngày 29/11/2007, Vũ Thị Tuyết T2 – sinh ngày 19/02/2012. Hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ly hôn tôi xin được nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000đ/01 tháng/02 con.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà M rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Vũ Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Vũ Hồng T.

+ Về con chung: Giao con chung Vũ Thành T1, Vũ Thị Tuyết T2 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Vũ Hồng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M và ông Vũ Hồng T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01 ngày

09/5/2007. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Vũ Thị M và ông Vũ Hồng T là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà M trình bày: sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống về cả tình cảm lẫn các khía cạnh khác trong cuộc sống, từ đó vợ chồng bất hòa, thường xuyên tranh cải gay gắt dẫn đến hôn nhân trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2018. Hiện bà M không còn tình cảm gì với ông T, nên bà xin được ly hôn với ông T.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (tổ 10, ấp 3, xã S, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà M và ông T, kết quả như sau: tình trạng hôn nhân của bà M và ông T là trầm trọng, ông T làm tài xế theo công trình xây dựng khoảng vài tháng mới về nhà một lần, khi ông T về nhà thì vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, có đánh đập nhau; hai người đã sống ly thân.

Bị đơn ông Vũ Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà M nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông T không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M về việc xin ly hôn với ông Vũ Hồng T.

[3.2] Về con chung:

Bà M và ông T có là Vũ Thành T1 – sinh ngày 29/11/2007, Vũ Thị Tuyết T2 – sinh ngày 19/02/2012; hiện nay bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con, ly hôn bà M xin được nuôi hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vũ Hồng T không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung. Từ đó cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của bà M là có cơ sở nên chấp nhận, giao cháu Tài, cháu Trinh cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Do chưa có lời khai của ông Vũ Hồng T nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Vũ Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ T1 – sinh ngày 29/11/2007, Vũ Thị Tuyết T2 – sinh ngày 19/02/2012 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Vũ Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con; ông T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp, theo Biên lai thu số 0002186 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà M phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Sẩm Dắt Phắn **Nguyễn Thị Liệu** **Phạm Ngọc Quyền**